

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2020
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX- ST ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ph Th L Gi

Trú tại: Tiểu khu 9, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ A Qu

Trú tại: Tiểu khu 9, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/12/2019 và bản tự khai ngày 25/02/2020 của nguyên đơn Ph Th L Gi trình bày giữa chị và anh Đ A Qu đã đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Qu T, huyện Qu Tr, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 người con. Sau

đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, anh Qu thường xuyên ngoại tình nhưng vì con cái chị Gi đã thông cảm cho anh Qu nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ A Qu.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đ Qu B sinh ngày 01/8/2010 và cháu Đ Th D Nh sinh ngày 26/02/2013. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị Gi là được nuôi dưỡng các con. Chị Gi yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đ/tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 25/02/2020 anh Đ A Qu trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị Gi. Hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của anh là hai vợ chồng quay lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị Gi một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh Qu và chị Gi đều tham gia các phiên hòa giải. Ngày 17/6/2020 Toà án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng do vắng mặt bị đơn nên hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Qu không có mặt để tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph Th L Gi và anh Đ A Qu đã đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Qu T, huyện Qu Tr, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị Gi xin được ly hôn là chính đáng cần chấp

nhận, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ph Th L Gi được ly hôn với anh Đ A Qu.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đ Qu B sinh ngày 01/8/2010 và cháu Đ Th D Nh, sinh ngày 26/02/2013. Chị Gi có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con vì các cháu còn nhỏ, mặt khác các con của chị Gi và anh Qu đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị Ph Th L Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Qu B, sinh ngày 01/8/2010 và cháu Đ Th D Nh sinh ngày 26/02/2013. Xử buộc anh Đ A Qu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho một cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Qu phải chịu là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Đ Qu B và cháu Đ Th D Nh tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Chị Gi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí: Chị Ph Th L Gi phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Gi đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004217 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Gi đã nộp đủ án phí.

Anh Đ A Qu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ph Th L Gi được ly hôn với anh Đ A Qu.

2. Về con chung: Xử giao chị Ph Th L Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Qu B sinh ngày 01/8/2010 và cháu Đ Th D Nh sinh ngày 26/02/2013. Xử buộc anh Đ A Qu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho một cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Qu phải chịu là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Đ Qu B và cháu Đ Th D Nh tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 7/2020.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Ph Th L Gi phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Gi đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004217 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Gi đã nộp đủ án phí.

Anh Đ A Qu phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/7/2020), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Qu T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

